

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/6/2019

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Ngọc Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Thành Lam**

Bà Đặng Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hải Yến**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Trương Kiều Ngọc A** - sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: **Anh Lê Kim T** - sinh năm: 1990; Nơi đăng ký HKTT: Ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại 7, đội 11 - Phân trại K, Trại giam T - Z3; địa chỉ: Xã T, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

(Chị Ngọc A có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2018, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trương Kiều Ngọc A trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngọc A và anh Lê Kim T quen biết, tìm hiểu và tự nguyện yêu thương nhau từ năm 2007 (lúc đó chị đã trên 16 tuổi, còn anh T đã hơn 17 tuổi) sau khi tìm hiểu được khoảng ba năm thì hai vợ chồng chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/6/2010. Đây là hôn nhân lần đầu của chị.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chị sống cùng với ông bà nội của anh T. Trong quá trình chung sống với nhau thì vợ chồng hạnh phúc, vui vẻ, không phát sinh mâu thuẫn lớn. Đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Ngọc A nghi ngờ anh T có dấu hiệu không chung thủy trong quan hệ vợ chồng. Chị có hỏi anh T nhưng anh T phủ nhận. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, có lúc còn xảy ra xô xát. Từ cuối năm 2014, chị phát hiện anh T có sử dụng ma túy, chị khuyên nhủ anh nhiều lần, mong anh từ bỏ để vợ chồng làm ăn, xây dựng gia đình cùng nhau chăm sóc con cái nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy, không chịu thay đổi nên từ đầu năm 2015, chị đã bỏ con về nhà cha mẹ ruột tại ấp 1, xã B, huyện Long Thành sinh sống đến nay, còn anh T vẫn sống tại địa chỉ ấp 1, xã L. Sau khi chị và con về nhà ngoại sống, anh T không liên lạc cũng không đến tìm chị để bàn bạc vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình. Đến tháng 6/2015, anh T bị bắt và đi chấp hành án. Trong khoảng thời gian từ đó đến nay, chị không đến trại giam thăm nuôi anh T lần nào. Sau thời gian vợ chồng sống xa cách, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T, nếu sau này, anh T chấp hành án trở về thì chị cũng không quay về đoàn tụ gia đình với anh T vì chị không còn tình cảm với anh T. Hiện nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai người đó sống, không ai thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị Ngọc A yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Kim T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là: Lê Kim Th - sinh ngày: 04/4/2008. Chị Ngọc A đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại chị đang làm công nhân công ty Changshin. Thu nhập bình quân mỗi tháng 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Về tài sản chung: Chị Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

*** Theo đơn thuận tình ly hôn của anh Lê Kim T có xác nhận của Trại giam T ngày 21/01/2019, bị đơn anh Lê Kim T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Ngọc A có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm nên chị Ngọc A yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh T thừa nhận vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là: Lê Kim Th - sinh ngày: 04/4/2008. Anh T đang chấp hành án tại Trại

giam không có đủ điều kiện nuôi cháu Th nhưng anh có nguyện vọng để cháu Th sống cùng cha anh là ông Lê Kim Tr.

Về tài sản chung: Anh Lê Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn xét xử. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật, bị đơn do đang chấp hành án nên không thể tham gia phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao cho chị Ngọc A được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Lê Kim Th - sinh ngày: 04/4/2008. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Ngọc A chưa yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

* Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lê Kim T có nơi đăng ký HKTT: Ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại 7, đội 11 - Phân trại K7, Trại giam T - Z3; địa chỉ: Xã T, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Ngọc A và anh T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ngọc A và anh T là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian sống chung giữa chị Ngọc A và anh T không được hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên hay xảy ra cãi vã, xô xát. Giữa vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Ngọc A và anh T tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét cần chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc A cho ly hôn với anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Chị Ngọc A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lê Kim Th - sinh ngày: 04/4/2008 và cháu Th cũng có nguyện vọng được ở cùng chị Ngọc A. Xét thấy cần để cháu Th cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp do anh Tịnh đang chấp hành án không có khả năng trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngọc A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Khi ly hôn, chị Ngọc A và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sơ thẩm.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật HNGĐ năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Kiều Ngọc A và anh Lê Kim T.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Kim Th - sinh ngày: 04/4/2008 cho chị Trương Kiều Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

Anh T được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết anh T, chị Ngọc A được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

- Về án phí: Chị Trương Kiều Ngọc A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001558 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị Ngọc A đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Thành